

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **622/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/9/2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hương

Bà Hoàng Thị Thiệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Kiều – Cán bộ Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Đức - Kiểm sát viên*

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng- Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 431/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2024, về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXX-ST Ngày 26/8/2024 giữa:

+Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Trung A- sinh năm 1993. (Có mặt)

Nơi thường trú: Số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, đường H, phường P, quận N, Hà Nội.

+Bị đơn: Anh Phạm Văn T- sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 và bản tự khai ngày 27/6/2024 chị Trịnh Thị Trung A trình bày như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T trước khi đến với nhau, anh chị đều chưa ai có vợ, có chồng. Anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 11/12/2014. Sau khi tổ chức cưới hỏi chị và anh T về chung sống cùng bố mẹ anh T tại số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng: Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống không hợp nhau, thường xuyên có mâu thuẫn đánh cãi, chửi nhau. Tháng 10/2023 chị Trung A đã chuyển ra ngoài sống riêng, chị và anh T ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Trung A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như chị mong muốn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

-Về con chung: Chị Trung A xác nhận chị và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Minh Q- sinh ngày 16/5/2015. Ly hôn chị đồng ý để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trung A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng.

-Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trịnh Thị Trung A xác nhận chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về công nợ chung: Chị Trung A xác nhận chị và anh T không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024 anh Phạm Văn T trình bày như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trịnh Thị Trung A được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 11/12/2014. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh T tại Số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng: Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống không hợp nhau, thường xuyên có mâu thuẫn. Tháng 9/2023 chị Trung A đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Trung A có đơn xin ly hôn đối với anh T, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị Trung A.

-Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Minh Q- sinh ngày 16/5/2015. Cháu Q hiện nay đang ở với anh T. Ly hôn, anh T xin được nuôi cháu Phạm Minh Q và yêu cầu chị Trịnh Thị Trung A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/1 tháng.

-Về tài sản chung vợ chồng: Anh T xác nhận anh và chị Trung A không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh T và chị Trung A xác nhận anh, chị không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị Trung A, anh T xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng do bận công việc anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đối với anh Phạm Văn T, anh đề nghị Tòa án không hòa giải mà giải quyết vắng mặt anh và gửi cho anh bản án, anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Trung A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/1 tháng, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bởi: Tổng thu nhập một tháng của chị là 7.400.000đồng ngoài ra chị không có thu nhập nào khác, số tiền này chị dùng để trả tiền thuê chỗ ở, chi phí sinh hoạt cho bản thân, do vậy chị Trung A xin được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/ 1 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị Trịnh Thị Trung A là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Trung A xin ly hôn anh Phạm Văn Thắng.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị Trịnh Thị Trung A được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q- sinh ngày 16/5/2015 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/1 tháng của chị Trịnh Thị Trung A.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung và không có công nợ chung. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Trung A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về quan hệ pháp luật:** Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 11/12/2014. Nay chị Trịnh Thị Trung A có đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn T. Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Thẩm quyền giải quyết vụ án:** Anh Phạm Văn T có nơi thường trú tại Số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội. Hiện nay anh T vẫn đang ăn ở, sinh sống thường xuyên tại địa chỉ này. Do vậy, căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[3]. **Về nội dung vụ án:** Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 11/12/2014 phù hợp với thông tin trên giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, hôn nhân của chị Trung A và anh T là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại địa chỉ Số nhà X, ngõ E, phường B, quận H, Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể giải quyết được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài. Tháng 10/2023 chị Trung A đã chuyển ra ngoài sống riêng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Trung A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Trung A.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như anh chị mong muốn, yêu cầu xin ly hôn của chị Trung A là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trịnh Thị Trung A được ly hôn anh Phạm Văn T.

[4]. **Về con chung:** Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T có 01 con chung là cháu Phạm Minh Q- sinh ngày 16/5/2015. Giao cháu Phạm Minh Q cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5]. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Phạm Văn T yêu cầu chị Trung A cấp dưỡng 5.000.000đồng/ 1 tháng. Tổng thu nhập của chị Trung A là 7.400.000đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)/ 1 tháng, số tiền này chị Trung A dùng để thuê nhà, chi phí sinh hoạt bản thân, chị Trung A tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đồng (ba triệu đồng)/ 1 tháng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/1 tháng của chị Trung A.

[6]. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trung A và anh T xác nhận anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về công nợ: Chị Trung A và anh Phạm Văn T xác nhận anh chị không có công nợ chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về án phí: Chị Trịnh Thị Trung A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Trung A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 71, 72, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Trung Anh về việc "Ly hôn" với anh Phạm Văn Thắng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Trung A được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q- sinh ngày 16/5/2015 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận chị Trịnh Thị Trung A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Phạm Minh Q tròn 18 tuổi.

Chị Trịnh Thị Trung A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về công nợ: Chị Trịnh Thị Trung A và anh Phạm Văn T không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Về án phí: Chị Trịnh Thị Trung A phải chịu 600.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tự nguyện cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trung A đã nộp theo biên lai số 0003738 ngày 17/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Chị Trịnh Thị Trung A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Trung A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội số 116 ngày 11/12/2014.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Thắng